

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 107/2025/HS-ST

Ngày 25 - 6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đèo Văn Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quảng Văn Tiễn, ông Trần Thành Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Thùy L - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Luyến, ông Lầu Bá Khải - Kiểm sát viên.

Các ngày 19 và 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 184/2025/HSST-QĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lèo Văn L (tên gọi khác: Không), sinh ngày 25 tháng 11 năm 1986 tại thành phố, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: T 3, phường CA, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp, chức vụ, đơn vị công tác trước khi phạm tội: Đại úy – Phó trưởng Công an xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La bị tước danh hiệu Công an nhân dân theo Quyết định số 1322/QĐ-CAT-PX01 ngày 18/6/2024 của Giám đốc Công an tỉnh Sơn La; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Chức vụ, Đảng phái, Đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Bị tạm đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 166-QĐ/UBKTHU ngày 20/6/2024 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy Sông Mã, tỉnh Sơn La; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lèo Văn H và bà Lường Thị T; bị cáo có vợ là Tòng Thị Xa P và có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bắt tạm giam từ ngày 18/6/2024 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lò Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 25 tháng 4 năm 1984 tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản Léch, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp, chức vụ, đơn vị công tác trước khi phạm tội: Đại úy Công an xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La; bị tước danh hiệu Công an nhân dân theo Quyết định số 1323/QĐ-CAT-PX01 ngày 18/6/2024 của Giám đốc Công an tỉnh Sơn La; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam;

Chức vụ Đảng phái, Đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị tạm đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 168-QĐ/UBKTHU ngày 20/6/2024 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy Sông Mã, tỉnh Sơn La; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn P và bà Lò Thị C; bị cáo có vợ là Cao Thị L và có 01 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bắt tạm giam từ ngày 18/6/2024 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Hoàng Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 29 tháng 5 năm 1997 tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản NT, xã CC, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp, chức vụ, đơn vị công tác trước khi phạm tội: Trung úy Công an xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La; bị tước danh hiệu Công an nhân dân theo Quyết định số 1324/QĐ-CAT-PX01 ngày 18/6/2024 của Giám đốc Công an tỉnh Sơn La; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Chức vụ Đảng phái, Đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị tạm đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 167-QĐ/UBKTHU ngày 20/6/2024 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy Sông Mã, tỉnh Sơn La; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị P; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bắt tạm giam từ ngày 18/6/2024 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Sùng A S, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 11 tháng 01 năm 1983, tại huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản BH, xã MH, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp, chức vụ, đơn vị công tác trước khi phạm tội: Thiếu tá – Trưởng Công an xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La; bị tước danh hiệu Công an nhân dân theo Quyết định số 2138/QĐ-CAT-PX01 ngày 13/3/2025 của Giám đốc Công an tỉnh Sơn La; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Chức vụ Đảng phái, Đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Bị tạm đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 37-QĐ/UBKTHU ngày 20/3/2025 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Công an tỉnh Sơn La; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sùng A C và bà Sùng Thị D; bị cáo có vợ là Vàng Thị V và có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bắt tạm giam từ ngày 13/3/2025 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T:* Ông Lò Văn Diệt và ông Hoàng Trung Thành – Luật sư văn phòng luật sư Nguyễn Hải – Thuộc đoàn luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Tòng Văn K, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Bản Búa Bon, xã Mường Sại, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Anh Lò Văn S, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Bản TL, xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Chị Lò Thị T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Bản TL, xã ĐM, huyện Sông

Mã, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Anh Lèo Văn N, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Bản NL, xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

5. Anh Lèo Văn T, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Bản NL, xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

6. Bà Lường Thị H, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Bản NL, xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có mặt.

7. Ông Lò Văn T, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Bản H, xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có mặt.

8. Ông Lò Văn H, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Bản H, xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

9. Anh Lò Văn Khoa, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Bản H, xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có mặt.

10. Chị Lò Thị Cương, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Bản H, xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

11. Chị Lò Thị M, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Bản H, xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có mặt.

12. Anh Lò Văn T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Bản H, xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

13. Anh Lò Văn T, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Bản H, xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có mặt.

14. Anh Lò Văn H, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Bản P II, xã BS, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có mặt.

15. Ông Sòng A C sinh năm 1960, trú tại bản BH, xã MH, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có mặt.

16. Chị Tòng Thị Xa P, sinh năm 1986, trú tại: Bản Mường Nưa, xã Mường Lầm, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có mặt.

17. Chị Cao Thị L, sinh năm 1996. trú tại: Bản Phòng Sài, xã Nà Nghịu huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có mặt.

18. UBND xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có ông Lò Văn H - Chủ tịch. Là người đại diện theo pháp luật. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Lò Thị P, sinh năm 2006. Nơi cư trú: Bản TL, xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Anh Lò Văn H, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Bản TL, xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 24/10/2023 đến ngày 06/11/2023, Công an xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La đã bắt giữ một số đối tượng có dấu hiệu vi phạm pháp luật nhưng không lập hồ sơ vụ việc, không báo cáo Công an huyện Sông Mã theo đúng quy định, đã đòi và nhận tiền hối lộ của các đối tượng để không truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Các vụ việc cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Việc bắt giữ Lò Văn S có dấu hiệu “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Khoảng 16 giờ ngày 24/10/2023, Lò Văn L là Phó Trưởng Công an xã ĐM, huyện Sông Mã cử tổ công tác gồm: Lò Văn T, Hoàng Văn T, Tòng Văn K – là các cán bộ Công an xã tuần tra tại khu vực thuộc bản TL, xã ĐM đã phát hiện, thu giữ của đối tượng Lò Văn S một túi nilon màu đen bên trong có một viên nén nghi là hồng phiến và một cục bột màu trắng nghi là Heroine. Khi đưa được về trụ sở Công an xã ĐM, Lò Văn S thừa nhận tang vật bị thu giữ đều là ma túy, mua của một người đàn ông (không xác định được lai lịch) và chưa Sdụng.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, vợ Sơn là chị Lò Thị T cùng em trai là Lò Văn H đến trụ sở Công an xã ĐM gặp L để hỏi thăm tình hình của Sơn. Qua trao đổi, L nói với Thiên về việc sẽ đưa Sơn đến Công an huyện Sông Mã để giải quyết và Sơn sẽ bị đi tù khoảng 02 năm. Thiên lo sợ Sơn bị đi tù nên xin L cho Sơn không bị xử lý. L đồng ý và chỉ đạo T yêu cầu Thiên đưa số tiền 20 triệu đồng. Thiên trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn chỉ lo được 10 triệu đồng, T báo cáo lại và được L đồng ý. Do chỉ có 03 triệu đồng tiền mặt nên Thiên gọi điện hỏi vay con gái là Lò Thị P thêm 07 triệu đồng nhưng nói dối là vay tiền lo cho Sơn bị tai nạn giao thông, Phương đồng ý. Sau đó, Thiên đưa cho T 03 triệu đồng tiền mặt, đồng thời xin T số tài khoản ngân hàng để chuyển số tiền còn lại. T đồng ý rồi đi vào phòng sinh hoạt chung của Công an xã bảo Hoàng Văn T đưa số tài khoản ngân hàng. T1biết mục đích để nhận tiền từ người nhà Lò Văn S nên đã viết số tài khoản 7907205195091 (của Tuấn, mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Sơn La) ra mảnh giấy đưa cho T. Sau đó, Thiên nhờ H chụp ảnh số tài khoản của T1gửi cho Phương. Sau khi Phương chuyển tiền (từ số tài khoản 0817630740 của Phương mở tại Ngân hàng Quân đội - Chi nhánh thành phố Sơn La) cho T1và báo lại cho H, H đã đưa cho T xem màn hình điện thoại thể hiện việc chuyển tiền thành công. T báo lại cho L biết đã nhận đủ số tiền 10 triệu đồng của gia đình Sơn. L chỉ đạo T cho Sơn về, không lập hồ sơ xử lý. Đến khoảng cuối tháng 11/2023, khi sự việc bị phát hiện, L, T đã đến nhà trả lại cho Lò Thị T số tiền 10 triệu đồng.

Vụ thứ hai: Về việc bắt giữ Lèo Văn N có dấu hiệu “Sdụng trái phép chất ma túy”

Khoảng 17 giờ ngày 28/10/2023, Lèo Văn L cử tổ công tác gồm: Lò Văn T, Hoàng Văn T, Tòng Văn K đến khu vực thuộc bản Nà Lốc, xã ĐM tuần tra thì phát hiện đối tượng Lèo Văn N có dấu hiệu Sdụng trái phép chất ma túy. Khi về đến trụ sở Công an xã, N thừa nhận có mua ma túy của một người đàn ông (không xác định được lai lịch) và đã S dụng hết. Do đang là đối tượng phát triển Đảng nên N xin L không xử lý, không báo Đảng ủy xã. L đồng ý và chỉ đạo T tiếp tục làm việc với N. Quá trình làm việc L và T thống nhất yêu cầu N đưa số tiền 20 triệu và được N đồng ý. Sau đó, N mượn điện thoại của T gọi cho ông Lèo Văn Thời (là bố của N) mang số tiền 20 triệu đồng đến đưa cho T. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tiền ngay nên ông Thời đã nhờ anh trai của N là Lèo Văn T mang số tiền 10 triệu đồng đến đưa trước. Sáng ngày 29/10/2023, Tướng đến trụ sở Công an xã ĐM trực tiếp đưa cho T 10 triệu đồng tiền mặt. T báo cho L biết việc N xin đưa số tiền còn lại sau. L đồng ý và chỉ đạo T cho N về không xử lý. Khoảng một tuần sau, ông Lèo Văn T bán đất, đưa cho N số tiền 10 triệu đồng mang đến đưa cho T tại trụ sở Công an xã ĐM.

Việc L, T đòi và nhận tiền để không xử lý Lèo Văn N thì Hoàng Văn T và Tòng Văn K không biết, không tham gia mà chỉ được T thông báo là có nhận của N 03 triệu đồng nhập vào quỹ sinh hoạt chung của Công an xã.

Đến khoảng cuối tháng 11/2023, khi nghe dư luận tại bản Nà Lốc bàn tán về vụ việc của N; L và T đã đến nhà N trả lại tiền cho bà Lương Thị H, là mẹ của N. Tuy nhiên, bà Hai khai mới nhận lại số tiền 16 triệu đồng và đã Sdụng hết. Số tiền còn lại, bị cáo T chấp nhận khắc phục sau.

Vụ thứ ba: Về việc bắt giữ Lò Văn T, Lò Văn Khoa, Lò Văn H về hành vi “Đánh bạc”

Khoảng 23 giờ ngày 06/11/2023, khi nhận được thông tin có nhóm đối tượng đánh bạc tại bản Huổi Phẳng, xã ĐM, huyện Sông Mã, tổ công tác gồm Lèo Văn L, Lò Văn T, Hoàng Văn T và Tòng Văn K đi kiểm tra. Khi thấy nhóm của L chuẩn bị đi, Sùng A S là Trưởng Công an xã ĐM hỏi thì được L cho biết là đi xác minh thông tin vi phạm trên địa bàn và sẽ báo cáo cụ thể sau. Khi tổ công tác đến nơi thì phát hiện, bắt giữ nhóm đánh bạc gồm 03 đối tượng: Lò Văn T, Lò Văn Khoa và Lò Văn H, còn một số đối tượng đã bỏ chạy thoát; thu giữ được số tiền khoảng 200.000 đồng, 01 chiếu nhựa, 01 bộ bát đĩa, 03 quân vị (dùng để đánh xóc đĩa) và 01 xe máy Honda Wave (xe của đối tượng đánh bạc đã bỏ chạy).

Khi đưa các đối tượng trên về trụ sở Công an xã ĐM làm việc, L đã báo cáo S về vụ việc vi phạm và đề nghị S chỉ đạo xử lý. Khi S vào phòng làm việc (có mặt các đối tượng đánh bạc và tổ công tác) thì Tiến có xin Stạo điều kiện và nói sẽ cảm ơn. Syêu cầu các đối tượng khai ra những người đã bỏ trốn nhưng cả 03 đối tượng trên đều khai không biết. Cùng lúc này, L yêu cầu mỗi đối tượng đánh

bạc phải nộp từ 01 triệu đồng đến 02 triệu đồng thì sẽ tạo điều kiện. Nói với Tiến *“nó có bấy nhiêu, ba đưa bảo nhau nộp cho xong còn về”*, sau đó giao cho L tiếp tục làm việc với các đối tượng đánh bạc. Khi chỉ còn L và T có mặt, Tiến tiếp tục xin không xử lý thì được L đồng ý và chỉ đạo T thu tiền. T đòi các đối tượng Tiến, Hưởng, Khoa phải đưa tổng số tiền 20 triệu đồng; cả 03 đối tượng đồng ý và thống nhất chia đều 6,6 triệu đồng/người.

Khoảng 03 giờ ngày 07/11/2023, Lò Văn T, nguyên là Công an viên xã, cháu của Lò Văn T đến trụ sở Công an xã ĐM. Tại đây, Thuận được Tiến cho biết việc đánh bạc bị bắt và phải nộp số tiền 20 triệu đồng. Tiến hỏi vay tiền của Thuận, Thuận đồng ý. Sau đó, Thuận gặp T xin nộp tiền thay cho 03 đối tượng bằng hình thức chuyển khoản. T đến phòng sinh hoạt chung bảo T1 cung cấp số tài khoản ngân hàng cho T. T1 biết mục đích T xin số tài khoản để nhận tiền của các đối tượng đánh bạc nên đồng ý cung cấp. Sau đó, T đọc số tài khoản của T1 cho Thuận chuyển tiền. Thuận đã Sdụng tài khoản của mình (số 7907281009278 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh huyện Sông Mã) chuyển khoản 02 lần, mỗi lần 10 triệu đồng vào tài khoản số 7907205195091 của T1 (mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh thành phố Sơn La). Sau khi nhận đủ tiền, T1 nhắn tin qua ứng dụng Zalo báo cho T biết để cho các đối tượng đánh bạc về. Đồng thời, L, T và T1 thống nhất báo cáo với Sbiết chỉ thu được số tiền 10 triệu đồng từ các đối tượng đánh bạc. Số tiền 10 triệu đồng còn lại, L nói T đưa 05 triệu đồng để L đưa cho ông Lò Văn H - Chủ tịch UBND xã ĐM; chia cho L 1,5 triệu đồng, còn lại chia đều cho T, T1 và K mỗi người 1.200.000 đồng. Khi T đưa tiền cho K 1.200.000 đồng, mặc dù T không nói nhưng K hiểu là tiền được chia vì tham gia bắt vụ đánh bạc.

Khoảng 09 giờ ngày 07/11/2023, trước khi họp giao ban Công an xã, Shỏi *“vụ hôm qua được bao nhiêu tiền”* thì được L và T cho biết đã thu được 10 triệu đồng; S chỉ đạo đưa cho S06 triệu đồng để nộp vào ngân sách UBND xã, số tiền còn lại nhập vào quỹ sinh hoạt chung của Công an xã.

Ngày 10/11/2023, Sùng A S phát hiện trên bàn làm việc chung của Công an xã có các biên bản đều được lập ngày 24/10/2023 gồm: Biên bản phạm tội quả tang, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (một cục chất bột liên kết màu trắng và 01 viên Hồng phiến), biên bản ghi lời khai của Lò Văn S đều có chữ ký của Lò Văn T, điểm chỉ của Lò Văn S; Biên bản ghi lời khai người chứng kiến là Giàng A Mãnh có chữ ký của Lò Văn L. Sau đó, Stiếp tục phát hiện vụ việc Công an xã ĐM bắt Lò Văn N về hành vi Sdụng trái phép chất ma túy nhưng cả hai vụ việc này, Skhông biết và không được cán bộ trong Công an xã ĐM báo cáo lại. Do đó, S đã báo cáo sự việc đến Công an huyện Sông Mã theo thẩm quyền. Công an huyện Sông Mã đã tiến hành xác minh, báo cáo Công an tỉnh Sơn La theo quy định. Ngày 27/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan điều tra VKSND Tối cao để điều tra theo thẩm quyền.

Trong quá trình điều tra Lèo Văn L, Lò Văn T và Hoàng Văn T khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Sùng A S khai nhận biết thẩm quyền xử phạt hành chính của Trưởng Công an xã không được vượt quá 2 triệu đồng; việc không chỉ đạo lập hồ sơ để xử lý các đối tượng đánh bạc là không đúng quy định; có yêu cầu T đưa số tiền 06 triệu đồng để nộp cho UBND xã ĐM, khi nộp cho UBND xã không nói rõ nguồn gốc số tiền; tuy nhiên Skhai không chỉ đạo, không biết Lèo Văn L, Lò Văn T, Hoàng Văn T nhận tiền hối lộ.

Do các hành vi nêu trên, bản cáo trạng số: 5250/CT-VKSTC ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao truy tố các bị cáo Lèo Văn L, Lò Văn T và Hoàng Văn T về tội: Nhận hối lộ theo quy định tại điểm đ “*phạm tội hai lần trở lên*” và điểm g “*đòi hối lộ*” khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Sùng A S về tội: Nhận hối lộ theo quy định tại điểm g “*đòi hối lộ*” khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Lèo Văn L, Lò Văn T, Hoàng Văn T, Sùng A S phạm tội: Nhận hối lộ.

- Căn cứ điểm đ, g khoản 2 Điều 354, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Lèo Văn L từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

- Căn cứ điểm đ, g khoản 2 Điều 354, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 09 tháng tù.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 354, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, 58 và Điều 54 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Sùng A S từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về số tiền liên quan đến hành vi phạm tội:

Tổng số tiền các bị cáo nhận hối lộ là: 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Buộc các bị cáo phải hoàn trả cho những người có quyền lợi liên quan số tiền tương ứng với số tiền đã hưởng lợi. Chấp nhận số tiền các bị cáo và gia đình các bị cáo đã nộp tiền để khắc phục hậu quả trong quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ để trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Buộc UBND xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La phải hoàn trả cho bị cáo Sùng A S số tiền 6.000.000 đồng.

3. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo Sùng A S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tòng Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

* Lời khai, ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa:

- Tòng Văn K: Anh là Công an viên công tác tại Công an xã ĐM. Khoảng cuối tháng 10/2023 có được tham gia bắt các đối tượng Lò Văn S và Lò Văn N có hành vi liên quan đến ma túy cùng vật chứng; khi đưa N và Sơn về trụ sở Công an xã anh không biết, không bàn bạc đến việc nhận tiền của các đối tượng. Ngày 06/11/2023 anh được tham gia tuần tra phát hiện và bắt được ba đối tượng tham gia đánh bạc, có thu giữ một số vật chứng và số tiền khoảng 200.000 đồng khi đưa 03 đối tượng về trụ sở Công an xã thì anh được phân công làm một số công việc, còn việc nhận tiền các đối tượng như thế nào thì anh không biết, sau đó anh được bị cáo T đưa cho 1.200.000 đồng, anh biết đây là tiền được chia từ việc bắt vụ đánh bạc này. Đối với số tiền 1.200.000 đồng được chia này anh đã nộp lại cho cơ quan điều tra để xử lý theo quy định. Không có ý kiến gì và nhất trí về số tiền phải nộp lại xác định là tiền phạm tội đã nộp vào quỹ sinh hoạt chung của Công an xã đã chi tiêu hết.

- Lò Văn S: Ngày 24/11/2023 khi ông tàng trữ 01 gói nhỏ ma túy để Sdụng thì bị Công an xã ĐM phát hiện bắt quả tang rồi đưa về trụ sở Công an xã để làm việc. Sau đó ông được một cán bộ Công an xã tên là T bảo đưa 10 triệu đồng sẽ cho về. Do không có tiền nên ông lấy điện thoại của T gọi cho vợ và em vợ ông đến trao đổi với T. Sau khi được cho về nhà thì ông được gia đình nói lại là đã đưa cho T tổng cộng 10.000.000 đồng, gồm đưa tiền mặt là 3.000.000 đồng và chuyển khoản từ con gái 7.000.000 đồng vào tài khoản của bị cáo Tuấn. Đối với số tiền này ông và gia đình đề nghị HĐXX trả lại cho gia đình, vì gia đình hoàn cảnh rất khó khăn, đối với gia đình đây là một số tiền lớn, có ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình và việc đưa tiền cho bị cáo T là do bị đòi hỏi.

- Lò Thị T khai: Chị là vợ của Lò Văn S đã bị Công an xã ĐM bắt vào tháng 11/2023 do có hành vi tàng trữ trái chất ma túy. Khi được anh Sơn gọi điện về thì chị đã cùng Lò Văn H (em trai) đến Công an xã ĐM gặp bị cáo Lò Văn T yêu cầu đưa 20.000.000 đồng thì sẽ thả anh Sơn về và không xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Qua trao đổi do gia đình không có tiền nên xin nộp 10.000.000 đồng, trong đó 3.000.000 đồng là tiền mặt và 7.000.000 đồng chị vay con gái là Lò Thị P chuyển khoản vào số tài khoản do bị cáo T đưa, khi nhận được tiền thì anh Sơn được thả về. Nay gia đình đã được Công an trả lại cho gia đình số tiền 10.000.000 đồng. Do gia đình hoàn cảnh khó khăn xin HĐXX trả lại số tiền này cho gia đình.

- Bà Lường Thị H: Bà là mẹ đẻ của Lò Văn N, khoảng 11/2023 bà thấy hai người Công an đến nhà giới thiệu tên L và T trả bà số tiền 16.000.000 đồng là

tiền trước đó gia đình bà đưa cho T theo yêu cầu để Lèo Văn N không bị xử lý khi bị bắt liên quan đến ma túy. Hiện nay N đang đi chấp hành án phạt tù do sau đó vẫn bị bắt vì có hành vi phạm tội ma túy nên không có nhà. Do gia đình hoàn cảnh khó khăn xin HĐXX trả lại số tiền này cho gia đình.

- Lò Văn T: Đêm ngày 06/11/2023 khi ông có tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa cùng Hưởng, Khoa và một số đối tượng khác thì bị Công an xã ĐM phát hiện, bắt quả tang và đưa về trụ sở Công an xã. Trên đường đưa về trụ sở ông đã xin bị cáo L không xử lý. Tại Công an xã ông tiếp tục xin không xử lý và sẽ cảm ơn. Ban đầu Công an xã yêu cầu nộp số tiền 50.000.000 đồng nhưng sau đó xin giảm xuống còn 18.000.000 đồng để chia nhau cho dễ, nhưng Công an xã không nhất trí và yêu cầu nộp 20.000.000 đồng, được sự đồng ý của bị cáo Svà các bị cáo khác cùng thống nhất cả ba người phải nộp 20.000.000 đồng, tại đây bị cáo Scũng có mặt và nói nộp tiền đi rồi về. Do không có tiền nên ông nhờ cháu là Lò Văn T giúp nộp tiền, sau khi anh Thuận nộp đủ số tiền ông, anh Hưởng và Khoa được thả về, sau đó cả ba đã trả tiền cho anh Thuận. Do gia đình hoàn cảnh khó khăn xin HĐXX trả lại số tiền này cho gia đình.

- Lò Văn K: Anh là người đã tham gia đánh bạc và bị bắt cùng Lò Văn T. Anh nhất trí với lời khai của Tiến về diễn biến sự việc và các nội dung Tiến đã khai báo tại phiên tòa. Anh đã cùng Tiến, Khoa nộp tổng số tiền là 20.000.000 đồng cho L để không bị xử lý và được về nhà, quá trình xin nộp tiền cũng có mặt bị cáo Slà Trưởng công an xã ở đó. Số tiền đã nộp do Lò Văn T nộp tiền giúp trước, sau khi về cả ba người đã chia nhau trả đủ cho Thuận. Do gia đình hoàn cảnh rất khó khăn xin HĐXX trả lại số tiền này cho gia đình.

- Lò Thị M: Chị là vợ của anh Lò Văn K, ngày 07/11/2023 ông Lò Văn T đến nhà chị lấy số tiền 6.600.000 đồng và nói đây là tiền do anh Khoa đánh bạc bị Công an bắt phải nộp phạt mỗi người 6.600.000 đồng, còn các nội dung cụ thể khác chị không biết. Do gia đình hoàn cảnh khó khăn xin HĐXX trả lại số tiền này cho gia đình.

- Lò Văn T khai: Anh là con trai của Lò Văn T, khi nghe tin bố bị Công an xã bắt về hành vi đánh bạc, anh gọi điện nhờ anh Lò Văn T xuống xem để xin giải quyết và nhờ anh Thuận nộp số tiền phạt 20.000.000 đồng giúp trước, đến sáng anh đã mang tiền xuống trả cho anh Thuận.

- Ông Lò Văn H: Ông là chủ tịch UBND xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La đối với hai vụ việc của Lò Văn S và Lèo Văn N ông không biết, do Công an xã không báo cáo lại sự việc. Việc bị cáo Sùng A S nộp số tiền 6.000.000 đồng hỗ trợ cho UBND xã ông đã nhận cho UBND xã nhưng không biết nguồn tiền có từ đâu; đối với lời khai của L khai rằng ông đã nhận tiền do L đưa, ông không nhất trí vì ông không hề được nhận tiền từ Lèo Văn L khoản tiền nào. Nay ông không yêu cầu gì, trường hợp số tiền do bị cáo Snộp cho UBND xã, UBND xã sẽ chấp hành theo quyết định của Tòa án.

- Ông Sòng A C: Ông là bố đẻ của bị cáo Sùng A S. Sau khi được Stác động và hướng dẫn ông đã thay mặt bị cáo Slảy tiền của Sđể nộp khắc phục hậu quả, do Sđang bị tạm giam không thể thực hiện được. Ông không có ý kiến và đề nghị gì, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S.

- Tòng Thị Xa P: Chị là vợ của bị cáo Lèo Văn L. Sau khi được L tác động và hướng dẫn chị đã thay mặt bị cáo L lấy tiền chung của vợ chồng để nộp khắc phục hậu quả, do L đang bị tạm giam không thể thực hiện được. Chị nhất trí với việc nộp tiền khắc phục hậu quả, không có ý kiến và đề nghị gì, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

- Cao Thị L: Chị là vợ của bị cáo Lò Văn T. Sau khi được T tác động và hướng dẫn chị đã thay mặt bị cáo T lấy tiền chung của vợ chồng để nộp khắc phục hậu quả, do T đang bị tạm giam không thể thực hiện được. Chị nhất trí với việc nộp tiền khắc phục hậu quả, không có ý kiến và đề nghị gì, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt và thể hiện ý kiến như sau: Không có ý kiến gì về quá trình điều tra, xét xử. Đối với Lò Văn Hoàn có đề nghị được xin lại số tiền bị các bị cáo chiếm đoạt do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

* Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố bị cáo về tội Nhận hối lộ là có căn cứ. Nhưng việc Cáo trạng truy tố bị cáo với tình tiết định khung quy định tại điểm đ “đòi hối lộ” khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự là không đúng, vì bị cáo T không trực tiếp làm việc với các đối tượng và người nhà các đối tượng để đòi, thỏa thuận nhận tiền mà chỉ được nhận tiền chuyển vào số tài khoản của bị cáo do bị cáo T đưa cho người nhà các đối tượng nên bị cáo chỉ phạm 01 tình tiết định khung phạm tội 02 lần trở lên theo quy định điểm đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự.

Đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

* Các bị cáo Lèo Văn L, Lò Văn T nhất trí với tội danh và điều luật viện dẫn áp dụng khi Truy tố của Viện kiểm sát, không có ý kiến gì và xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Không có ý kiến gì thêm và nhất trí với các đề xuất khác của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

- Bị cáo Hoàng Văn T cho rằng: Khi cho bị cáo T số tài khoản bị cáo biết là để nhận tiền từ người nhà các đối tượng nhưng không tham gia trực tiếp đòi tiền từ các đối tượng nên bị cáo không phạm tội theo tình tiết định khung quy định tại điểm g “đòi hối lộ” khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự. Không có ý kiến gì thêm và nhất trí với các đề xuất khác của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

- Bị cáo Sùng A S cho rằng bị cáo là Trưởng Công an xã do thiếu trách nhiệm nên mới dẫn đến việc phạm tội, việc bị đưa ra xét xử là không oan sai, bị cáo mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Không có ý kiến gì thêm và nhất trí với các đề xuất khác của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Các bị cáo Lèo Văn L, Lò Văn T, Hoàng Văn T, Sùng A S không có ý kiến gì và nhất trí về số tiền phải nộp lại xác định là tiền phạm tội đã nộp vào quỹ sinh hoạt chung của Công an xã đã chi tiêu hết và số tiền phải hoàn trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; riêng bị cáo Lò Văn T nhận sẽ hoàn trả lại cho bà Lương Thị H số tiền còn lại là 4.000.000 đồng; bị cáo Sùng A S nhận sẽ hoàn trả lại số tiền 6.000.000 đồng mà bị cáo đã được nhận trong vụ đánh bạc cho Lò Văn T, Lò Văn Khoa, Lò Văn H.

Khi được nói lời sau cùng các bị cáo đều rất năn nỉ, hối hận về hành vi của mình và xin HĐXX xem xét về hoàn cảnh gia đình, thành tích và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo để áp dụng khi lượng hình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia phiên tòa: Đối với sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lèo Văn N, Lèo Văn T, Lò Văn H, Lò Thị Cương, Lò Văn T, người làm chứng Lò Thị P và Lò Văn H tại phiên tòa đã có lời khai đầy đủ ở Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo. Xét thấy sự vắng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về các chứng cứ xác định tội danh: Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau

Tại phiên tòa các bị cáo Lèo Văn L, Lò Văn T và Hoàng Văn T thừa nhận T bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Các

bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn T tự nguyện và đúng với sự việc các bị cáo đã thực hiện.

Đối với hành vi của bị cáo Sùng A S: Việc S cho rằng Schi chịu trách nhiệm với vai trò của lãnh đạo mà khi thấy các bị cáo là cấp dưới thực hiện hành vi đòi hối lộ mà không can ngăn là sai là không đúng, bởi lẽ: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo khác trong vụ án đều phù hợp với nhau và đều khẳng định Scó chỉ đạo việc giải quyết vụ việc các đối tượng đánh bạc. Đến ngày hôm sau, khi không thấy các đối tượng tại trụ sở Công an xã, khi giao ban đầu giờ sáng Shỏi “*vụ hôm qua thế nào*” được bị cáo T báo cáo xử lý các đối tượng đánh bạc được khoảng 10.000.000 đồng và bị cáo lấy số tiền này để nộp ủng hộ UBND xã 6.000.000 đồng, 4.000.000 đồng bị cáo chỉ đạo nộp vào quỹ sinh hoạt chung, lời khai này cũng phù hợp với lời khai của bị cáo T tại bút lục 1377 “....*Tôi thấy ông Lò Văn T nói với anh Sxin tạo điều kiện không xử lý...*” tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn T đều khai bị cáo S bảo ông “*Nó có bấy nhiêu, ba đưa bảo nhau nộp đi mà về....*” (tại BL 410, 1361), phù hợp với lời khai của bị cáo tại BL 1056 “*Đến 06 giờ sáng cùng ngày tôi ngủ dậy không thấy 03 người đàn ông kia đâu, tôi hỏi đồng chí L có được gì không*” hơn nữa bị cáo là trưởng Công an xã nên việc bị cáo không chỉ đạo xử lý các đối tượng là không đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa bị cáo cho rằng việc đưa ra xét xử đối với bị cáo là không oan sai, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Phù hợp với lời khai của các đối tượng trực tiếp tham gia đánh bạc bị Công an xã ĐM bắt đưa về Trụ sở đêm ngày 06/11/2023 khai nhận khi thỏa thuận mức tiền để xin không xử lý các đối tượng thì Scó mặt; chứng cứ như: phiếu thu tiền của UBND xã nhận tiền ủng hộ 6.000.000đ, lời khai của ông Lò Văn H - Chủ tịch UBND xã ĐM xác nhận UBND xã có thu số tiền 6.000.000 đồng do Snộp, là có đủ cơ sở xác định Sùng A S biết và chỉ đạo cấp dưới thu tiền của các đối tượng đánh bạc để không truy cứu trách nhiệm của các đối tượng theo quy định của pháp luật, việc Skhông S dùng số tiền nhận hối lộ vào việc chi tiêu cá nhân mà thực hiện ủng hộ cho UBND xã là ý chí cá nhân tự nguyện của S, tội phạm đã hoàn thành kể từ thời điểm Snói với các đối tượng đánh bạc “*nộp tiền đi rồi còn về*”. Do vậy, hành vi của bị cáo S đã phạm tội Nhận hối lộ, vi phạm tình tiết định khung quy định tại điểm g “*đòi hối lộ*” khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi của bị cáo Hoàng Văn T: T1 và người bào chữa cho rằng chỉ phạm tội thuộc trường hợp quy định tại điểm đ “*phạm tội 02 lần trở lên*”, mà không phạm tội thuộc trường hợp được quy định tại điểm g “*đòi hối lộ*” khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, bị cáo T1 tuy không trực tiếp thực hiện việc trao đổi để đòi và nhận tiền từ các đối tượng và người nhà các đối tượng vi phạm. Tuy nhiên, ngay từ đầu khi bị cáo T lấy số tài khoản của bị cáo T1 cho người nhà các đối tượng chuyển khoản vào thì bị cáo T1 đã hoàn T nhất trí và biết đây là để nhận tiền sau khi T, L thống nhất trao đổi với các đối tượng để không xử lý các đối tượng theo quy định của pháp. Do vậy, T1 phạm tội với vai trò là đồng phạm với T, L về hành vi đòi hối lộ.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phù hợp với kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 24/10/2023 các bị cáo Lèo Văn L, Lò Văn T, Hoàng Văn T đã đòi hỏi lộ của gia đình Lò Văn S có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để không truy cứu trách nhiệm của Sơn theo quy định của pháp luật được số tiền là 10.000.000đ. Ngày 28/10/2023 bị cáo Lèo Văn L, bị cáo Lò Văn T đã đòi hỏi lộ của Lèo Văn N có hành vi Sdụng trái phép chất ma túy để không truy cứu trách nhiệm của N theo quy định của pháp luật được số tiền là 20.000.000đ; Ngày 06/11/2023 các bị cáo Lèo Văn L, Lò Văn T và Hoàng Văn T được sự nhất trí của bị cáo Sùng A S đã đòi hỏi lộ của Lò Văn T, Lò Văn Khoa và Lò Văn H có hành vi Đánh bạc để không truy cứu trách nhiệm của Tiến, Khoa, Hường theo quy định của pháp luật được số tiền là 20.000.000đ.

Các hành vi nêu trên của bị cáo Lèo Văn L, Lò Văn T, Hoàng Văn T đã phạm tội Nhận hối lộ, vi phạm các tình tiết định khung quy định tại các điểm đ “phạm tội 02 lần trở lên” và điểm g “đòi hối lộ” khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Sùng A S đã phạm tội Nhận hối lộ, vi phạm tình tiết định khung quy định tại điểm g “đòi hối lộ” khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự. Có mức hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng.

Như vậy, nội dung truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đối với các bị cáo là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo về các hành vi phạm tội và ăn năn hối cải, quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm đã tích cực tự nguyện nộp tiền để khắc phục hậu quả; bị cáo L, T, T1 đã tích cực phối hợp với cơ quan điều tra để khai báo ra bị cáo Slà đồng phạm khác trong vụ án, bị cáo Scũng là người đã tố giác hành vi nhận hối lộ của các bị cáo T, Tuấn, L trong hai vụ việc đòi hối lộ của hai đối tượng có hành vi liên quan đến ma túy; Nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b “*Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả*” điểm s “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, điểm t “*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án*” khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, các bị cáo Sùng A S, Lèo Văn L, Lò Văn T trong quá trình công tác có thành tích xuất sắc được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng nên hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v “*Người phạm tội có thành tích xuất sắc trong công tác*” khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Hoàng Văn

T chỉ được tặng giấy khen về thành tích học tập tại Trường chuyên nghiệp nên không đủ điều kiện áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm v “*thành tích xuất sắc trong học tập*” khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa.

Bị cáo Hoàng Văn T, Lò Văn T đều có ông nội được tặng Huân, Huy Chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị cáo Sùng A S có bố đẻ và ông nội được tặng Huân, Huy Chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên các bị cáo Tuấn, T, S được áp dụng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

[5.1] Về tính chất: Là vụ án có đồng phạm. Trong đó:

- (1) Bị cáo L, T, T1 là đồng phạm với nhau trong lần phạm tội đối với hành vi đòi hối lộ với Lò Văn S có dấu hiệu “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. (2) Bị cáo L, T là đồng phạm với nhau trong lần phạm tội đối với hành vi đòi hối lộ với Lò Văn N có dấu hiệu “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Trong các lần phạm tội này thì L đều giữ vai trò là người cầm đầu, vì khi đó L đang giữ vai trò là Phó trưởng công an xã, được Trưởng công an xã ủy quyền quản lý đơn vị trong thời gian trưởng công an đi vắng; T, T1 thực hiện hành vi theo chỉ đạo của L nên T, T1 đều giữ vai trò là đồng phạm giúp sức tích cực.

- (3) Bị cáo L, Tuấn, T, S là đồng phạm với nhau trong lần phạm tội đối với hành vi đòi hối lộ với Lò Văn T, Lò Văn Khoa, Lò Văn H có hành vi “Đánh bạc”. Trong lần phạm tội này thì L giữ vai trò chính, là người trực tiếp trao đổi, thỏa thuận số tiền đòi hối lộ và chỉ đạo T, T1 thu việc thu tiền hối lộ; đối với S vai trò là Trưởng an xã đã được L báo cáo xin ý kiến về việc giải quyết các đối tượng đánh bạc nhưng S đã không đưa ra ý kiến cụ thể để xử lý các đối tượng theo quy định của pháp luật mà ngầm mặc định cho phép L trao đổi, thỏa thuận số tiền đòi hối lộ với các đối tượng; sau khi nghe L yêu cầu các đối tượng nộp số tiền cụ thể để không xử lý các đối tượng thì bản thân S cũng có lời nói với các đối tượng có nội dung “... *nộp cho xong còn về*”, sau đó thì T và T1 thực hiện hành vi nhận tiền từ các đối tượng; tuy nhiên, số tiền nhận hối lộ là 20.000.000đ nhưng S chỉ được biết là 10.000.000đ do vậy S chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi số tiền là 10.000.000đ, còn L, T, T1 phải chịu trách nhiệm với tổng số tiền là 20.000.000đ. Xác định: L trong lần phạm tội này L giữ vai trò lớn nhất; T, T1 giữ vai trò đồng phạm giúp sức tích cực; S giữ vai trò đồng phạm giúp sức.

[5.2] Về mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức Nhà nước, đạo đức con người và nếp sống văn minh của xã hội, mà còn gây dư luận xấu ảnh hưởng đến uy tín của Đảng và Nhà

nước, nhất là uy tín cán bộ của ngành Công an nhân dân, gây ra sự phẫn nộ trong dư luận xã hội. Các bị cáo là người có chức vụ, quyền hạn, hiểu biết pháp luật hoàn T đủ khả năng nhận thức về hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do vậy cần xem xét cân nhắc xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo. Việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, có như vậy mới đảm bảo được việc răn đe phòng ngừa chung và giáo dục riêng.

Tuy nhiên, quá trình lượng hình HĐXX thấy rằng: số tiền các bị cáo được hưởng lợi khi phạm tội không quá lớn, bản thân các bị cáo đều đã có nhiều năm phục vụ trong ngành Công an nhân dân, quá trình công tác đều có những cống hiến nhất định cho Đảng, Nhà nước và nhân dân được thể hiện qua việc đã được nhiều lần khen thưởng thành tích; quá trình công tác chưa có vi phạm kỷ luật lần nào, lần phạm tội này là do chưa suy nghĩ sâu sắc, chín chắn. Việc các bị cáo bị cách ly ra khỏi đời sống xã hội đã là một sự trả giá đắt, bản thân các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, với mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề xuất áp dụng đối với các bị cáo tại phiên tòa là có phần hơi nghiêm khắc. HĐXX thấy cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt áp dụng và thấp hơn so với mức án đã được đại diện Viện kiểm sát đề xuất áp dụng tại phiên tòa, tạo điều kiện cho các bị cáo được hưởng lương KH hồng của pháp luật, cho các bị cáo có cơ hội cải tạo sớm trở về với cộng đồng, xã hội để trở thành người có ích cho xã hội là đã đủ răn đe và giáo dục.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội đã bị đình chỉ công tác và tước danh hiệu Công an nhân dân, quá trình điều tra và xét hỏi tại phiên tòa thấy rằng các bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định của khoản 5 Điều 354 của Bộ luật Hình sự.

[7] Các vấn đề khác liên quan đến vụ án:

Đối với hành vi của chị Lò Thị T đưa tiền cho bị cáo Lèo Văn L, Lò Văn T và Hoàng Văn T để không lập hồ sơ xử lý đối với Lò Văn S; hành vi của Lèo Văn Thời, Lèo Văn T đưa tiền cho Lèo Văn L, Lò Văn T để xin không lập hồ sơ xử lý đối với Lèo Văn N; Hành vi của Lò Văn T đưa tiền cho Sùng A S, Lèo Văn L, Lò Văn T, Hoàng Văn T có dấu hiệu của tội Đưa hối lộ. Xét thấy các đối tượng này bị ép buộc đưa hối lộ với mong muốn không lập hồ sơ xử lý người thân, đã tích cực hợp tác để khai báo ra hành vi của các bị cáo, giúp cơ quan điều tra giải quyết được vụ án một cách triệt để, bản thân các đối tượng đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống trên địa bàn đặc biệt khó khăn, nhận thức, hiểu biết pháp luật hạn chế. Do đó, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao căn cứ vào khoản 7 Điều 364 Bộ luật hình sự không xem xét xử lý hình sự đối với Lò Thị T, Lèo Văn T, Lèo Văn Thời và Lò Văn T là có căn cứ chấp nhận.

- Đối với Lò Thị P không biết mục đích bà Lò Thị T vay tiền nên không có căn cứ xem xét, xử lý là có cơ sở.

- Đối với Lò Văn H - Chủ tịch UBND xã ĐM: Ông Hạnh khai không nhận tiền của Lò Văn L. Ngoài lời khai của L thì không còn tài liệu nào khác chứng minh nên không có căn cứ để xem xét xử lý đối với ông Hạnh là có cơ sở.

- Đối với Tòng Văn K: Khi được chia số tiền 1.200.000 đồng, K nhận thức được đây là tiền được chia từ vụ đánh bạc do các đối tượng Lò Văn T, Lò Văn H, Lò Văn K đưa để không bị truy cứu trách nhiệm của các đối tượng theo quy định của pháp luật. Nhưng vì K không tham gia bàn bạc, trao đổi, đòi hỏi lộ và tham gia nhận tiền cùng các bị cáo khác nên K chỉ phải chịu trách nhiệm đối với số tiền được hưởng là 1.200.000 đồng trong lần bắt các đối tượng của vụ có hành vi Đánh bạc, tuy nhiên số tiền này không đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự nhưng đã vi phạm quy định tại Điều 2 Luật Phòng, chống tham nhũng. Do vậy: Kiến nghị Công an tỉnh Sơn La xem xét xử lý trách nhiệm của Tòng Văn K đối với hành vi này theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

[8] Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền các đối tượng đưa theo yêu cầu của các bị cáo để không xử lý người thân: Tại phiên tòa bà Lương Thị H, chị Lò Thị T ông Lò Văn T, ông Lò Văn Khoa đều có ý kiến được trả lại số tiền đã đưa hồi lộ, xét thấy: Việc đưa hồi lộ là do nhận thức pháp luật hạn chế, bị các bị cáo dùng lời lẽ thuyết phục, ép buộc làm sai lệch nhận thức, cũng xét thấy những người này đều có điều kiện, kinh tế rất khó khăn và đều có ý kiến được xin trả lại số tiền đã đưa nên HĐXX chấp nhận là phù hợp theo quy định khoản 7 Điều 364 Bộ luật hình sự và điều kiện thực tế của tình hình kinh tế - xã hội của người đồng bào dân tộc thiểu số vùng núi.

Tổng số tiền các bị cáo được hưởng lợi là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Do HĐXX chấp nhận đề nghị được trả lại số tiền mà các bị cáo đã chiếm đoạt cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên các bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền theo phần đã được hưởng lợi.

Trước khi bị bắt tạm giam các bị cáo Lò Văn L, Lò Văn T đã hoàn trả cho chị Lò Thị T số tiền 10.000.000 đồng, hoàn trả cho bà Lương Thị H số tiền 16.000.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tòng Văn K còn phải hoàn trả là 24.000.000đ.

- Đối với số tiền bà Lương Thị H đề nghị được trả lại tiếp là 4.000.000 đồng: trong số tiền này tại giai đoạn điều tra các bị cáo có lời khai cho rằng đã nộp vào quỹ sinh hoạt chung của công an xã số tiền là 3.000.000 đồng nhưng không có căn cứ chứng minh ai là người đã tiếp nhận và chi dùng số tiền này, bên cạnh đó bị cáo T tự nguyện nhận sẽ nộp 4.000.000 đồng để hoàn trả cho bà Hai. Xét đây là ý chí tự nguyện của bị cáo, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm bị cáo T đã nộp

đủ số tiền 4.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

- Tại giai đoạn điều tra các bị cáo đã nộp lại số tiền được hưởng lợi từ vụ việc bắt các đối tượng có hành vi đánh bạc, cụ thể: Lèo Văn L đã nộp 1.500.000 đồng, Lò Văn T đã nộp 1.200.000 đồng, Hoàng Văn T đã nộp 1.200.000 đồng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tòng Văn K đã nộp 1.200.000 đồng (Số tiền này đã có biên lai thu được ủy nhiệm chi tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã). Như vậy, đối với số tiền được hưởng lợi từ vụ bắt các đối tượng có hành vi đánh bạc thì các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tòng Văn K còn phải tiếp tục hoàn trả tổng là 14.900.000 đồng, cụ thể:

+ Số tiền 3.900.000 đồng là tiền còn lại được nhập vào quỹ sinh hoạt chung của Công an xã được chia theo phần cho 4 bị cáo và Tòng Văn K, mỗi người phải hoàn trả là: 780.000 đồng. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm các bị cáo Lèo Văn L, Lò Văn T, Hoàng Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tòng Văn K đã nộp đủ số tiền 780.000 đồng mỗi người tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

+ Số còn lại là 11.000.000 đồng sẽ do bị cáo Lèo Văn L phải hoàn trả 5.000.000 đồng, Sùng A S phải hoàn trả 6.000.000 đồng. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm các bị cáo Lèo Văn L đã nộp đủ số tiền 5.000.000 đồng, Sùng A S đã nộp đủ số tiền 6.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng do Sùng A S được chia từ vụ bắt các đối tượng có hành vi đánh bạc, sau đó Sùng A S lấy nộp ủng hộ UBND xã ĐM có phiếu thu: tuy rằng số tiền này được xác định là do phạm tội mà có cần phải hoàn trả lại cho các đối tượng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ việc có hành vi Đánh bạc nhưng Sùng A S nộp xong số tiền để hoàn trả và tại phiên tòa Sơ cấp đề nghị được trả lại số tiền này và được đại diện UBND xã ĐM chấp nhận trả lại. Do vậy, cần buộc UBND xã ĐM phải hoàn trả cho Sùng A S số tiền 6.000.000 đồng.

[9] Về án phí:

Các bị cáo Lèo Văn L, Lò Văn T, Hoàng Văn T và Sùng A S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và Sùng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lèo Văn L, Lò Văn T, Hoàng Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tòng Văn K đã nộp xong tiền phải hoàn trả trước khi mở phiên tòa nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị cáo Sùng A S và UBND xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền có trách nhiệm phải hoàn trả chưa nộp trước khi mở phiên tòa là đúng theo quy định tại các điểm f, g khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và Sdụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Các bị cáo đang bị tạm giam, thời hạn tạm giam của các bị cáo còn dưới 45 ngày, Hội đồng xét ra quyết định tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án theo Điều 329 Bộ luật tố Tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

1. Căn cứ điểm đ, g khoản 2 Điều 354; các điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Lèo Văn L phạm tội: Nhận hối lộ.

Xử phạt bị cáo Lèo Văn L 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/6/2024.

2. Căn cứ điểm đ, g khoản 2 Điều 354; các điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội: Nhận hối lộ.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/6/2024.

3. Căn cứ điểm đ, g khoản 2 Điều 354; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội: Nhận hối lộ.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/6/2024.

4. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 354; các điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Sùng A S phạm tội: Nhận hối lộ.

Xử phạt bị cáo Sùng A S 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/3/2025.

* Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

II. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586 Bộ luật Dân sự

1. Ghi nhận các bị cáo Lèo Văn L, Lò Văn T đã hoàn trả cho bà Lò Thị T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng, cho bà Lương Thị H số tiền 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng.

2. Buộc bị cáo Lò Văn T hoàn trả cho bà Lương Thị H số tiền 4.000.000 đồng được khấu trừ số tiền vào số tiền 4.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã theo biên lai số 0001944 ngày 27/5/2025.

3. Buộc bị cáo Sùng A S hoàn trả số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng được khấu trừ vào số tiền 6.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã theo biên lai số 0001935 ngày 07/5/2025,

Buộc bị cáo Scòn tiếp tục phải nộp tiếp số tiền 780.000 (*Bảy trăm tám mươi nghìn*) đồng để hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

4. Buộc bị cáo Lèo Văn L hoàn trả số tiền 7.280.000 (*Bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn*) đồng được khấu trừ vào số tiền 7.280.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã theo biên số 0001945 ngày 27/5/2025 và ủy nhiệm chi kèm biên lai thu số 0001948 ngày 27/5/2025. Bị cáo Lèo Văn L đã nộp đủ số tiền phải hoàn trả.

5. Buộc bị cáo Lò Văn T hoàn trả số tiền 1.980.000 (*Một triệu chín trăm tám mươi nghìn*) đồng được khấu trừ số tiền đã nộp 1.980.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã theo biên lai số 0001944 ngày 27/5/2025 và ủy nhiệm chi kèm biên lai thu số 0001948 ngày 27/5/2025. Bị cáo Lò Văn T đã nộp đủ số tiền phải hoàn trả.

6. Buộc bị cáo Hoàng Văn T hoàn trả số tiền 1.980.000 (*Một triệu chín trăm tám mươi nghìn*) đồng được khấu trừ số tiền 1.980.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã theo biên lai số 0001946 ngày 27/5/2025 và ủy nhiệm chi kèm biên lai thu số 0001948 ngày 27/5/2025. Bị cáo Hoàng Văn T đã nộp đủ số tiền phải hoàn trả.

7. Buộc Tòng Văn K hoàn trả số tiền 1.980.000 (*Một triệu chín trăm tám mươi nghìn*) đồng được khấu trừ số tiền 1.980.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã theo biên lai số 0001947 ngày 27/5/2025 và ủy nhiệm chi kèm biên lai thu số 0001948 ngày 27/5/2025. Tòng Văn K đã nộp đủ số tiền phải hoàn trả.

8. Buộc UBND xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La hoàn trả cho bị cáo Sùng A S số tiền 6.000.000 (*Sáu triệu*) đồng.

9. Tổng số tiền do các bị cáo phải hoàn trả được nêu tại các điểm 3, 4, 5, 6, 7 thuộc tiểu mục 2 mục II trong phần Quyết định của Bản án này được hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lò Văn T là 6.800.000 (*Sáu triệu tám trăm nghìn*) đồng, Lò Văn Khoa là 6.600.000 (*Sáu triệu sáu trăm nghìn*) đồng, Lò Văn H là 6.600.000 (*Sáu triệu sáu trăm nghìn*) đồng.

“Kể từ ngày bên có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án, bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán”.

III. Về án phí

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và Sdụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Lèo Văn L, Lò Văn T, Hoàng Văn T và Sùng A S mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 21; điểm f, g khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và Sdụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Sùng A S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; Ủy ban nhân dân xã ĐM, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

IV. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/6/2025).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp quyết định về nghĩa vụ hoàn trả tiền tại bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an Tỉnh;
- Trại giam;
- THA hình sự ;
- CCTHA Dân sự;
- Bị cáo;
- Người có QL,NVLQ;
- Người làm chứng;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đèo Văn Quỳnh

